

# Dự báo nhu cầu kỹ năng của sinh viên khối ngành kinh tế và kinh doanh từ góc nhìn của doanh nghiệp<sup>1</sup>

TRẦN HUY PHƯƠNG\*  
VŨ HOÀNG NGÂN\*\*  
NGÔ QUỲNH AN\*\*\*

## Tóm tắt

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm dự báo nhu cầu đào tạo về kỹ năng của sinh viên khối ngành kinh tế và kinh doanh đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự chênh lệch tương đối lớn về kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp so với yêu cầu của nhà tuyển dụng. Sinh viên tốt nghiệp còn thiếu các kỹ năng quan trọng bao gồm cả kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm rút ngắn khoảng cách giữa kỹ năng sinh viên tốt nghiệp và yêu cầu của người sử dụng lao động.

**Từ khóa:** dự báo, nhu cầu đào tạo, đại học, kỹ năng, khối ngành kinh tế và kinh doanh

## Summary

This study was conducted to forecast the demand for skills training of students pursuing faculty of economics and business up to 2030, meeting the requirements of employers. Research results show that there is a relatively considerable difference between graduates' skills and employers' requirements. Graduates lack important skills including professional and soft skills. From those findings, the authors propose a number of solutions to reduce the gap between graduates' skills and employers' requirements.

**Keywords:** forecast, training demand, university, skills, economic and business sectors

## GIỚI THIỆU

Giáo dục đại học hoạt động như một hệ thống tác nhân kết nối: giữa người lao động có kỹ năng bậc cao, người sử dụng lao động, tổ chức nghiên cứu và cả các nhà cung cấp giáo dục ở cấp phổ thông. Nếu các kết nối này không hoạt động tốt, rất khó để các trường đại học phát huy tiềm năng của mình (Nguyễn Hữu Dũng, 2020).

Theo Trần Thị Phụng Hà (2014), khoảng cách giữa giáo dục đại học và nhu cầu thị trường đã trở nên ngày càng lớn, kể từ khi thực hiện chính sách tự do hóa kinh tế. Để tăng khả năng phù hợp giữa đào tạo với nhu cầu thực tế của kinh tế, xã hội tại Việt Nam, cần thiết xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin dự báo nhu cầu đào tạo về kỹ năng, kiến thức trong khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh (Đỗ Thị Thanh Toàn, 2018). Bài viết tập trung vào tìm hiểu nhu cầu kỹ năng, kiến

thức của phía người sử dụng lao động, những thiếu hụt kỹ năng và đào tạo trong các tổ chức, từ đó xác định nhu cầu đào tạo khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh về mặt kiến thức, kỹ năng, những ngành/chuyên ngành mới cần được đào tạo bổ sung, cùng những yêu cầu kỹ năng đối với sinh viên sau tốt nghiệp đại học ở Việt Nam hiện nay, cũng như trong tương lai.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với dữ liệu được thu thập bằng phương pháp khảo sát qua bảng hỏi với đối tượng là chủ doanh nghiệp, các giám đốc nhân sự, trưởng bộ phận phụ trách nhân sự tại các doanh nghiệp. Ngoài ra, dữ liệu cũng được thu thập từ phỏng vấn sâu với các cán bộ quản trị nhân lực tại các doanh nghiệp có quy mô lao động trên 300 người.

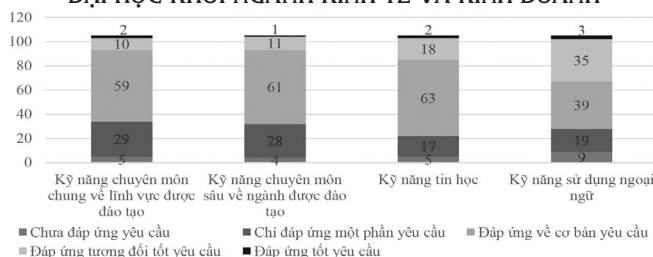
Để đánh giá nhu cầu đào tạo trình độ đại học các ngành kinh tế và kinh doanh từ người sử dụng lao động, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát các doanh nghiệp đang hoạt động tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Trong tổng số 105 phiếu trả lời, có 52 phiếu

\*, \*\*, \*\*\*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

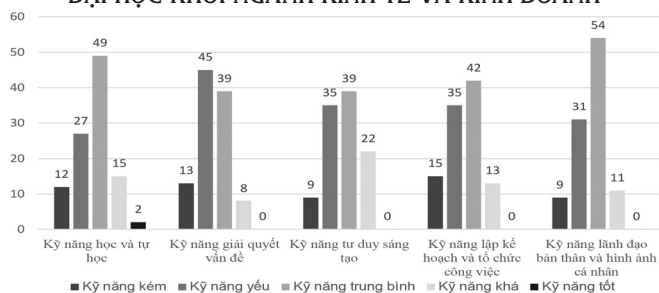
Ngày nhận bài: 21/9/2021; Ngày phản biện: 11/11/2021; Ngày duyệt đăng: 22/11/2021

<sup>1</sup> Bài viết này là sản phẩm của đề tài cấp Bộ - mã số B2020.KHA.05 về “Dự báo nhu cầu đào tạo bậc đại học các ngành khối kinh tế và quản trị kinh doanh đến năm 2030 và tầm nhìn 2050”

**HÌNH 1: MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG VIỆC VỀ KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC KHỐI NGÀNH KINH TẾ VÀ KINH DOANH**



**HÌNH 2: MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG VIỆC VỀ KỸ NĂNG MỀM (CÁ NHÂN) CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC KHỐI NGÀNH KINH TẾ VÀ KINH DOANH**



Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả

được trả lời bởi giám đốc/chủ doanh nghiệp (47,5%), 14 phiếu được điền bởi phó tổng giám đốc (13%) và 39 phiếu được hoàn thành bởi trưởng phòng/phó trưởng phòng phụ trách nhân sự (35%).

Cùng với đó, nhóm tác giả thực hiện phỏng vấn sâu được tiến hành với giám đốc nhân sự và trưởng phòng phụ trách nhân sự của 10 doanh nghiệp đến từ các lĩnh vực, bao gồm: sản xuất, hàng tiêu dùng nhanh, ngân hàng, dịch vụ và bán lẻ. Lưới phỏng vấn sâu được thiết kế cho lãnh đạo các doanh nghiệp. Nội dung phỏng vấn sâu tập trung vào: (i) Thực trạng kỹ năng của các sinh viên tốt nghiệp khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh; (ii) Nhu cầu đào tạo kỹ năng của sinh viên khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh nhìn từ góc độ yêu cầu công việc từ phía doanh nghiệp. Khảo sát được thực hiện từ tháng 3-9/2021.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc về kỹ năng và mức độ thành thạo kỹ năng mềm

#### Mức độ thành thạo kỹ năng chuyên môn

Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng tin học và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của sinh viên tốt nghiệp đại học khối ngành kinh tế và kinh doanh hiện ở mức trung bình. Khoảng gần 60% số doanh nghiệp đánh giá sinh viên có thể đáp ứng về cơ bản yêu cầu công việc về kỹ năng chuyên môn chung của lĩnh vực đào tạo, kỹ năng chuyên môn sâu về ngành đào tạo và kỹ năng tin học. Tỷ lệ đánh giá mức độ đáp ứng tương đối tốt và tốt đối với 3 kỹ năng này là còn tương đối thấp, ở mức dưới 20%.

Mặt khác, có gần 1/3 số doanh nghiệp được khảo sát chưa hài lòng với mức độ đáp ứng yêu cầu về kỹ năng chuyên môn và khoảng 20% chưa hài lòng với kỹ năng tin học của lao động mới tốt nghiệp đại học khối ngành kinh tế và kinh doanh. Đối với kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, người sử dụng lao động có cái nhìn lạc quan và tích cực hơn. Cụ thể, khoảng trên 35% số doanh nghiệp nhận định rằng, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ đáp ứng tốt và tương đối tốt yêu cầu công việc. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 1/4 số doanh nghiệp chưa hài lòng với kỹ năng này của các lao động mới ra trường (Hình 1).

Như vậy, có thể thấy, việc đào tạo kỹ năng trong các trường đại học mới chỉ dừng lại ở mức đáp ứng cơ bản các yêu cầu công việc. Ví dụ như sinh viên ra trường cần có chứng chỉ MOS (Microsoft Office Specialist), tuy nhiên chứng chỉ này cũng chỉ là bài thi đánh giá khả năng tin học văn phòng, chưa thể hiện được khả năng đáp ứng kỹ năng tin học chuyên môn cần thiết cho doanh nghiệp. Việc áp dụng tiêu chuẩn ngoại ngữ quốc tế như IELTS hay TOEIC khi ra trường cũng có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của sinh viên mới ra trường. Tuy nhiên, có nhiều ý kiến cho rằng, các bài thi lấy chứng chỉ này chỉ có ý nghĩa để tốt nghiệp chứ không có ý nghĩa thực tiễn. Nguyên nhân là do sinh viên chỉ tập trung vào kỹ năng làm bài thi nhằm lấy chứng chỉ, chứ không rèn luyện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong thực tiễn công việc và đời sống.

#### Mức độ thành thạo kỹ năng mềm

Hình 2 cho thấy, đánh giá của các doanh nghiệp về mức độ thành thạo các kỹ năng mềm liên quan đến cá nhân sinh viên khi ra trường. Về mức độ thành thạo kỹ năng mềm của sinh viên mới tốt nghiệp đại học khối ngành kinh tế và kinh doanh, kết quả khảo sát các nhà tuyển dụng cho thấy, mức độ thành thạo kỹ năng là chưa thực sự cao. Đối với cả năm kỹ năng mềm liên quan đến bản thân sinh viên, ít nhất trên 40% số doanh nghiệp được khảo sát cho rằng, mức độ thành thạo của sinh viên là yếu và kém. Đối với kỹ năng lập kế hoạch và kỹ năng giải quyết vấn đề, con số này lần lượt là 48% và 56%. Kết quả cho thấy, kỹ năng lãnh đạo bản thân và hình ảnh cá nhân cùng với kỹ năng giải quyết vấn đề được đánh giá khá thấp. Chỉ có 10% số doanh nghiệp cho rằng, sinh viên đã hình thành được kỹ năng lãnh đạo bản thân ở mức khá và tốt, trong khi con

số này là 7% đối với kỹ năng giải quyết vấn đề. Kỹ năng tư duy sáng tạo được những người sử dụng lao động đánh giá cao nhất với khoảng 20% số doanh nghiệp cho kỹ năng này ở mức khá và tốt.

Trong nhóm 5 kỹ năng mềm liên quan đến sự tương tác giữa con người với con người, kỹ năng đàm phán là kỹ năng được đánh giá thấp nhất từ phía người sử dụng lao động. Trên 50% số doanh nghiệp cho rằng, kỹ năng đàm phán của sinh viên tốt nghiệp khối ngành kinh tế và kinh doanh ở mức yếu và kém. Đồng thời, chỉ có 1 doanh nghiệp cho rằng, kỹ năng này đạt mức khá. Kỹ năng được đánh giá tốt nhất là kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tạo lập quan hệ khi có 47% số doanh nghiệp đánh giá ở mức khá và 20% đánh giá ở mức trung bình. Kỹ năng làm việc nhóm có khoảng gần 30% doanh nghiệp đánh giá ở mức khá và tốt, đồng thời chỉ có khoảng trên 24% đánh giá ở mức yếu và kém. Kỹ năng thuyết trình của sinh viên, không được các doanh nghiệp đánh giá cao khi trên 1/3 số doanh nghiệp khảo sát đánh giá mức độ thành thạo kỹ năng này của sinh viên là yếu và kém (Hình 3).

**Nhu cầu đào tạo kỹ năng cho sinh viên đại học khối ngành kinh tế và kinh doanh đến năm 2030**

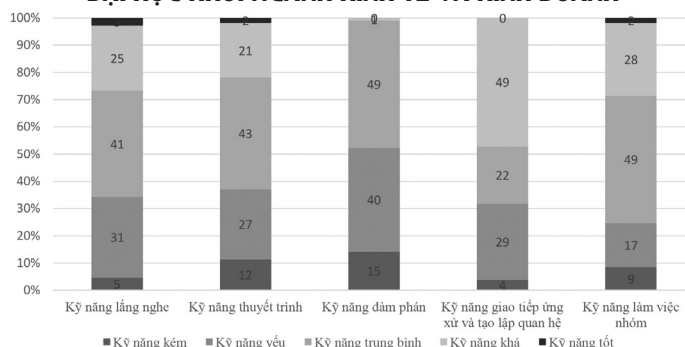
**Nhu cầu đào tạo kỹ năng chuyên môn**

Về nhu cầu đào tạo kỹ năng chuyên môn, các doanh nghiệp nhấn mạnh vào vai trò đào tạo chuyên môn sâu, khi có tới 30% số doanh nghiệp cho rằng các trường đại học cần tập trung hình thành kỹ năng này ở mức độ rất cao. Tuy vậy, nếu xét về tổng thể kỹ năng sử dụng ngoại ngữ được 70% số doanh nghiệp khảo sát cho rằng, cần được tập trung đào tạo ở mức độ cao và rất cao. Trong số 4 kỹ năng chuyên môn, tin học là kỹ năng mà doanh nghiệp đề xuất mức độ tập trung thấp nhất. Chỉ có khoảng trên 10% số doanh nghiệp cho rằng, cần tập trung đào tạo kỹ năng tin học ở mức độ rất cao trong các trường đại học khối ngành kinh tế và kinh doanh; trong khi đó, gần 60% lại cho rằng, nên tập trung ở mức độ cao (Hình 4).

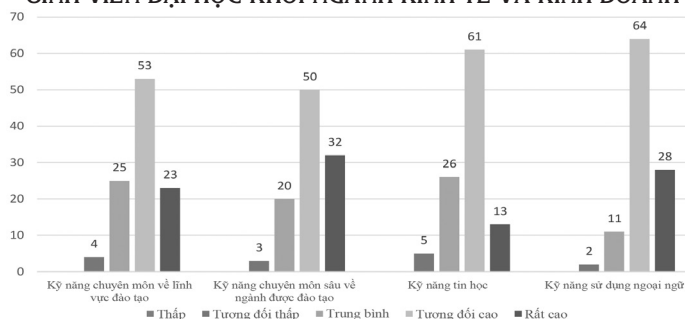
**Nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm**

Đối với các kỹ năng mềm, các doanh nghiệp xác định các kỹ năng mềm cần được tập trung đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế và kinh doanh bao gồm 13 kỹ năng. Kết quả cho thấy, giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ là kỹ năng được các doanh nghiệp đề

**HÌNH 3: MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG VIỆC VỀ KỸ NĂNG MỀM (TƯƠNG TÁC) CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC KHỐI NGÀNH KINH TẾ VÀ KINH DOANH**



**HÌNH 4: NHU CẦU ĐÀO TẠO VỀ KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHỐI NGÀNH KINH TẾ VÀ KINH DOANH**



**HÌNH 5: CÁC KỸ NĂNG MỀM CẦN ĐƯỢC TẬP TRUNG ĐÀO TẠO**



Nguồn: Khảo sát của nhóm tác giả

cập nhiều nhất khi được hỏi với 88 lượt (chiếm 84%) số doanh nghiệp khảo sát. Thuyết trình và giải quyết vấn đề là các kỹ năng tiếp theo được kỳ vọng bởi các lãnh đạo doanh nghiệp. Trong số 13 kỹ năng được đề cập kỹ năng lãnh đạo bản thân, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc và kỹ năng quản lý bản thân được đề cập ít nhất bởi các doanh nghiệp. Tuy nhiên, ngay cả với những kỹ năng này, cũng có tới trên 70% số doanh nghiệp gợi ý (Hình 5). Như vậy, có thể nhận thấy, đối với các doanh nghiệp khi tuyển dụng, họ kỳ vọng nhiều vào các kỹ năng mềm hơn là các kỹ năng chuyên môn sâu.

## KẾT LUẬN VÀ GIẢI PHÁP

### Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên mới tốt nghiệp đại học khối

ngành kinh tế và kinh doanh còn ở mức tương đối thấp. Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá những sinh viên này đáp ứng khá tốt công việc trở lên về kiến thức cơ bản chỉ ở mức dưới 20%. Các doanh nghiệp không đánh giá cao khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người lao động mới tốt nghiệp đại học khối ngành kinh tế và kinh doanh ở cả kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm. Ngay cả về thái độ làm việc, đa số doanh nghiệp cho biết, họ chưa thực sự hài lòng với sinh viên mới tốt nghiệp.

Nguyên nhân được chỉ ra là do thiếu sự gắn kết giữa đào tạo và thực tế. Các kỹ năng được đào tạo ở nhà trường, như: ngoại ngữ và tin học, dường như chỉ đáp ứng mục tiêu đủ điều kiện cấp bằng, chứ chưa thực sự hữu dụng trong thực tế công việc. Việc thực hành kỹ năng mềm trong trường đại học chưa thực sự được chú trọng và đánh giá trong suốt quá trình học tập. Chủ yếu kỹ năng mềm mới chỉ được lồng ghép trong hoạt động giảng dạy của giảng viên.

#### **Một số giải pháp**

Dựa trên kết quả nghiên cứu, để sinh viên khối ngành kinh tế và kinh doanh đáp ứng yêu cầu công việc của doanh nghiệp, theo nhóm tác giả cần thực hiện một số giải pháp sau:

**Đối với các cơ sở giáo dục đại học:** Xây dựng nội dung chương trình đào tạo gắn liền với yêu cầu của thị trường lao động. Chương trình đào tạo cần được cập nhật và linh hoạt, nhằm bắt kịp xu hướng của thị trường lao động và yêu cầu sử dụng nhân lực trình độ đại học nhóm ngành kinh tế và kinh doanh hiện tại. Cần xây dựng các chương trình đào tạo mang tính liên ngành hoặc xuyên ngành, ngành mang tính dẫn dắt thị trường lao động, những ngành phù hợp và phục vụ cho cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Lồng ghép các kỹ năng mềm và đẩy mạnh tính thực tiễn, hữu dụng của các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tin học thay vì chỉ đào tạo để đáp ứng yêu cầu cấp bằng. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học với người sử dụng

lao động là các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, viện nghiên cứu hay cơ quan quản lý nhà nước có nhu cầu và đang sử dụng lao động nhóm ngành kinh tế và kinh doanh.

**Đối với sinh viên:** Chủ động chuẩn bị các kỹ năng cần thiết trên thị trường lao động, bao gồm các kỹ năng chuyên môn liên quan đến lĩnh vực và ngành được đào tạo. Đặc biệt, sinh viên cần rèn luyện và phát triển kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong điều kiện làm việc gắn với chuyên môn được đào tạo. Chủ động chuẩn bị những kỹ năng mềm gắn với bối cảnh và thị trường lao động và đặc điểm của ngành nghề được đào tạo. Với sinh viên nhóm ngành kinh tế và kinh doanh, kỹ năng mềm, như: giao tiếp, sáng tạo, hợp tác và tư duy phản biện cần được chuẩn bị theo hình thức trải nghiệm, tham gia thực tế tại các tổ chức, những nhà tuyển dụng tiềm năng.

**Đối với đơn vị, doanh nghiệp, người sử dụng lao động:** Chủ động phối hợp, gắn kết với cơ sở giáo dục đại học trong quá trình xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, tham gia đóng góp trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục, và hỗ trợ, phối hợp với cơ sở giáo dục trong quá trình tuyển dụng lao động. Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trải nghiệm thực tế hoạt động tại doanh nghiệp. Xây dựng các chương trình thực tập cho sinh viên phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho hoạt động thực hành, thực tập của sinh viên đạt kết quả tốt nhất. □

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trần Thị Phương Nam (2014). *Cơ sở khoa học của dự báo nhu cầu nhân lực trình độ cao đẳng, đại học ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam
2. Hoàng Công Dụng, Nguyễn Thế Hà, Nguyễn Việt Thắng (2020). Nghiên cứu dự báo nhu cầu đào tạo nhóm ngành Kỹ thuật Công nghệ đến năm 2025 tầm nhìn 2030, *Tạp chí Giáo dục*, số 486 (kỳ 2), 14-18
3. Trần Thị Phụng Hà (2014). Định hướng giá trị nghề nghiệp của sinh viên đại học Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục*, 34, 113-125
4. Đỗ Thị Thanh Toàn (2018). Một số vấn đề về dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ở các trường đại học địa phương, *Tạp chí Giáo dục*, số 434 (kỳ 2), 35-39
5. Nguyễn Hữu Dũng (2020). *Phát triển kỹ năng nghề nghiệp để nâng cao chất lượng và khả năng dịch chuyển nguồn nhân lực thanh niên Việt Nam trên thị trường lao động*, truy cập từ [https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van\\_hoa\\_xa\\_hoi/-/2018/819668/phan-trien-ky-nang-nghe-nghiep-de-nang-cao-chat-luong-va-kha-nang-dich-chuyen-nguon-nhan-luc-thanh-nien-viet-nam-tren-thi-truong-lao-dong.aspx](https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/819668/phan-trien-ky-nang-nghe-nghiep-de-nang-cao-chat-luong-va-kha-nang-dich-chuyen-nguon-nhan-luc-thanh-nien-viet-nam-tren-thi-truong-lao-dong.aspx)
6. Tran, T. T. (2015). Is Graduate Employability the 'Whole-Of-Higher-Education-Issue'?, *Journal of Education and Work*, 28(3), 207-227
7. Hiep Pham (2013). *Graduate Unemployment and 'Over-Education' Rising*, retrieved from <http://www.universityworldnews.com/article.php?story=20130711163808113>